Mẫu biểu số 75

(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2026 ngày 28 tháng 9 năm 2026 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Ban Quản lý Khu du lịch quốc gia Núi Bà Đen

Chương: 599

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH

Quý I/2026

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số…./2026/TT-BTC ngày …tháng... năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Ban quản lý khu du lịch quốc gia Núi Bà Đen công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý I/2026 như sau:

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3/6/9/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (3/6/9, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**				
I	**Số thu phí, lệ phí**	**38.000**	**18.582,0**	**48,9**	**91,7**
1	**Lệ phí**				
2	**Phí**	**38.000**	**18.582,0**	**48,9**	**91,7**
	Phí thăm quan	38.000	18.582,0	48,9	**91,7**
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**				
1	**Chi sự nghiệp**	**7.600**	**3.716,4**	**48,9**	**18,3**
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	7.600	3.716,4	48,9	18,3
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	**Chi quản lý hành chính**	**0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	0	0,0	0,0	0,0
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	0	0,0	0,0	0,0
III	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**	**30.400**	**14.865,6**	**48,9**	**73,3**
1	**Lệ phí**				
2	**Phí**	**30.400**	**14.865,6**	**48,9**	**73,3**
	Phí thăm quan	30.400	14.865,6	48,9	73,3
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**23.937,0**	**3.757,0**	**15,7**	**0,4**
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**23.937,0**	**3.757,0**	**15,7**	**0,4**

1	**Chi bảo đảm xã hội**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**
1,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0,0	0,0	0,0	0,0
1,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0,0	0,0	0,0	0,0
2	**Chi hoạt động kinh tế**	**3.027,0**	**0,0**	**0,0**	0,0
2,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0,0	0,0	0,0	0,0
2,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3.027,0	0,0	0,0	0,0
3	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	**2.443,0**	**409,0**	**0,0**	0,0
3,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0,0	0,0	0,0	0,0
3,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2.443,0	409,0	0,0	0,0
4	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	**18.467,0**	**3.348,0**	**18,1**	**60,2**
4,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0,0	0,0	0,0	0,0
4,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	18.467,0	3.348,0	18,1	60,2

Tây Ninh, ngày 10 tháng 4 năm 2026

PHÓ TRƯỞNG BAN

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH
BAN QUẢN LÝ KHU DU LỊCH QUỐC GIA NÚI BÀ ĐEN

Trần Thị Thu Hằng